

Lớp Phật Pháp Buddhadhamma
Môn học: TUƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 4.1.2022

Chiến Tranh và Hoà Bình
Kinh Chiến Trận I (Paṭhamasaṅgāmasuttam) &
Kinh Chiến Trận II (Dutiyasaṅgāmasuttam)
CHƯƠNG III. TƯƠNG ƯNG KOSALA, PHẨM THỨ HAI (S.i, 82)

Thắng bại, hơn thua là chuyện muôn thuở của loài người. Những kẻ xâm lăng luôn nghĩ tới chiến thắng ít khi bận lòng đến hậu quả. Ai gây ra đau thương, hận thù khó sống trong an ổn mãi mãi. Điểm máu chóp là sống với tâm thức vượt ngoài hơn thua. Chiến thắng thì gây thù. Chiến bại thì khổ đau. Dù trên phương diện tâm lý hay nghiệp báo thì sự tranh chấp luôn tạo nên nhiều hệ luỵ. Không phải con người không biết được hệ luỵ của chiến tranh nhưng bản chất hơn thua khiến nhất thời nồng nỗi mù quáng.



Kinh Văn

Sāvatthinidānam.

Tại Sāvatthi.

Atha kho rājā māgadho ajātasattu vedehiputto caturaṅginim senam sannayhitvā rājānam pasenadim kosalam abbhuyyāsi yena kāsi.

Bấy giờ Vua Ajātasattu, con bà Videhi xứ Magadha, huy động bốn binh chủng tiến đánh Kāsi gây chiến với vua Pasenadi xứ Kosala.

Assosi kho rājā pasenadi kosalo – “rājā kira māgadho ajātasattu vedehiputto caturaṅginim senam sannayhitvā mamaṇ abbhuyyāto yena kāsī”ti.

Vua Pasenadi xứ Kosala được báo cáo: "Vua Ajātasattu, con bà Videhi xứ Magadha, huy động bốn binh chủng tiến đánh Kāsi".

Atha kho rājā pasenadi kosalo caturaṅginim̄ senam̄ sannayhitvā rājānam̄ māgadham̄ ajātasattum̄ vedehiputtaṁ paccuyyāsi yena kāsi.

Vua Pasenadi nước Kosala liền điều động bốn binh chủng dàn trận ở Kāsi, chống lại vua Ajātasattu con bà Videhi xứ Magadha.

Atha kho rājā ca māgadho ajātasattu vedehiputto rājā ca pasenadi kosalo saṅgāmesum̄. Tasmiṁ kho pana saṅgāme rājā māgadho ajātasattu vedehiputto rājānam̄ pasenadim̄ kosalam̄ parājesi. Parājito ca rājā pasenadi kosalo sakameva [saṅgāmā (ka.)] rājadhānim̄ sāvatthim̄ paccuyyāsi [pāyāsi (sī. pī.)].

Rồi vua Ajātasattu con bà Videhi xứ Magadha giao chiến với vua Pasenadi xứ Kosala. Trong trận đánh vua Ajātasattu thắng vua Pasenadi. Bị chiến bại, vua Pasenadi lui về kinh đô Sāvatthi.

Atha kho sambahulā bhikkhū pubbañhasamayaṁ nivāsetvā pattacīvaramādāya sāvatthim̄ piṇḍāya pavisiṁsu. Sāvatthiyam̄ piṇḍāya caritvā pacchābhattaṁ piṇḍapātaṭikkantā yena bhagavā tenupasaṅkamim̄su; upasaṅkamitvā bhagavantam̄ abhivādetvā ekamantam̄ nisīdiṁsu. Ekamantam̄ nisinnā kho te bhikkhū bhagavantam̄ etadavocum̄ –

Bấy giờ có một số Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm bát, đi vào Sāvatthi khát thực. Đi khát thực ở Sāvatthi xong, sau bữa ăn, trên con đường đi khát thực trở về chư vị đi đến Thέ Tôn. Sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên và bạch rằng:

“Idha, bhante, rājā māgadho ajātasattu vedehiputto caturaṅginim̄ senam̄ sannayhitvā rājānam̄ pasenadim̄ kosalam̄ abbhuyyāsi yena kāsi. Assosi kho, bhante, rājā pasenadi kosalo – ‘rājā kira māgadho ajātasattu vedehiputto caturaṅginim̄ senam̄ sannayhitvā mamaṁ abbhuyyāto yena kāsī’ti. Atha kho, bhante, rājā pasenadi kosalo caturaṅginim̄ senam̄ sannayhitvā rājānam̄ māgadham̄ ajātasattum̄ vedehiputtaṁ paccuyyāsi yena kāsi. Atha kho, bhante, rājā ca māgadho ajātasattu vedehiputto rājā ca pasenadi kosalo saṅgāmesum̄. Tasmiṁ kho pana, bhante, saṅgāme rājā māgadho ajātasattu vedehiputto rājānam̄ pasenadim̄ kosalam̄ parājesi. Parājito ca, bhante, rājā pasenadi kosalo sakameva rājadhānim̄ sāvatthim̄ paccuyyāsī”ti.

- Bạch Đức Thέ Tôn, Vua Ajātasattu, con bà Videhi xứ Magadha, huy động bốn binh chủng tiến đánh Kāsi gây chiến với vua Pasenadi xứ Kosala. Vua Pasenadi xứ Kosala được báo cáo: "Vua Ajātasattu, con bà Videhi xứ Magadha, huy động bốn binh chủng tiến đánh Kāsi". Vua Pasenadi liền điều động bốn binh chủng dàn trận ở Kāsi, chống lại vua Ajātasattu. Rồi vua Ajātasattu xứ Magadha chạm trán với vua Pasenadi xứ Kosala. Trong cuộc chiến vua Ajātasattu đánh thắng vua Pasenadi. Bị chiến bại, vua Pasenadi lui về kinh đô Sāvatthi.

“Rājā, bhikkhave, māgadho ajātasattu vedehiputto pāpamitto pāpasahāyo pāpasampavañko; rājā ca kho, bhikkhave, pasenadi kosalo kalyāṇamitto kalyāṇasahāyo kalyāṇasampavañko. Ajjeva [ajjatañca (sī. pī.), ajjevam (syā. kam.)], bhikkhave, rājā pasenadi kosalo imam rattim dukkham seti parājito”ti. Idamavoca...pe...

-Này các Tỷ-kheo, vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha có bạn ác, thận cận bạn ác, có đồng sự là người ác. Và này các Tỷ-kheo, vua Pasenadi nước Kosala có bạn lành, thận cận bạn lành, có đồng sự là người hiền thiện. Và này Tỷ-kheo, hôm nay vua Pasenadi xứ Kosala (nhất thời) trải một đêm đau khổ của người bại trận.

**“Jayam veram pasavati, dukkham seti parājito;
Upasanto sukham seti, hitvā jayaparājaya”nti.**

Chiến thắng sanh hận thù
Chiến bại ngủ bất an
Người sống không hơn thua
Giác ngủ được thanh thản.

Atha kho rājā māgadho ajātasattu vedehiputto caturaṅginim senam sannayhitvā rājānam pasenadim kosalam abbhuyyāsi yena kāsi.

Bấy giờ Vua Ajātasattu, con bà Videhi xứ Magadha, huy động bốn binh chủng tiến đánh Kāsi gây chiến với vua Pasenadi xứ Kosala.

Assosi kho rājā pasenadi kosalo – “rājā kira māgadho ajātasattu vedehiputto caturaṅginim senam sannayhitvā mamam abbhuyyāto yena kāsi”ti.

Vua Pasenadi xứ Kosala được báo cáo: "Vua Ajātasattu, con bà Videhi xứ Magadha, huy động bốn binh chủng tiến đánh Kāsi".

Atha kho rājā pasenadi kosalo caturaṅginim senam sannayhitvā rājānam māgadham ajātasattum vedehiputtam paccuyyāsi yena kāsi.

Vua Pasenadi nước Kosala liền điều động bốn binh chủng dàn trận ở Kāsi, chống lại vua Ajātasattu con bà Videhi xứ Magadha.

Atha kho rājā ca māgadho ajātasattu vedehiputto rājā ca pasenadi kosalo saṅgāmesum. Tasmiñ kho pana saṅgāme rājā māgadho ajātasattu vedehiputto rājānam pasenadim kosalam parājesi. Parājito ca rājā pasenadi kosalo sakameva rājadhāniñ sāvatthim paccuyyāsi.

Rồi vua Ajātasattu con bà Videhi xứ Magadha giao chiến với vua Pasenadi xứ Kosala. Trong trận đánh vua Pasenadi thắng và bắt sống vua Ajātasattu.

Atha kho rañño pasenadissa kosalassa etadahosi – “kiñcāpi kho myāyam rājā māgadho ajātasattu vedehiputto adubbhantassa dubbhati, atha ca pana me bhāgineyyo hoti. Yañnūnāhañ rañño māgadhassa ajātasattuno vedehiputtassa sabbam̄ hathikāyam̄ pariyādiyitvā sabbam̄ assakāyam̄ pariyādiyitvā sabbam̄ rathakāyam̄ pariyādiyitvā sabbam̄ pattikāyam̄ pariyādiyitvā jīvantameva nam̄ osajjeyya”nti

Lúc ấy vua Pasenadi nước Kosala suy nghĩ : "Tuy Ajātasattu có ý hại ta trong lúc ta không có ý gây thương tổn. Dù sao vua ấy là cháu của ta nên không giết hại chỉ tịch thu toàn bộ tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh.

Atha kho rājā pasenadi kosalo rañño māgadhassa ajātasattuno vedehiputtassa sabbam̄ hathikāyam̄ pariyādiyitvā sabbam̄ assakāyam̄ pariyādiyitvā sabbam̄ rathakāyam̄ pariyādiyitvā sabbam̄ pattikāyam̄ pariyādiyitvā jīvantameva nam̄ osajji

Rồi vua Pasenadi chỉ tịch thu toàn bộ tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh và thả mạng cho vua Ajātasattu.

Atha kho sambahulā bhikkhū pubbañhasamayañ nivāsetvā pattacīvaramādāya sāvatthim̄ piñḍāya pavisim̄su. Sāvatthiyañ piñḍāya caritvā pacchābhattam̄ piñḍapātapaṭikkantā yena bhagavā tenupasaṅkamim̄su; upasaṅkamitvā bhagavantam̄ abhivādetvā ekamantam̄ nisīdim̄su. Ekamantam̄ nisinnā kho te bhikkhū bhagavantam̄ etadavocum̄ –

Bấy giờ có một số Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm bát, đi vào Sāvatthi khát thực. Đi khát thực ở Sāvatthi xong, sau bữa ăn, trên con đường đi khát thực trở về chư vị đi đến Thέ Tôn. Sau khi đến, đánh lě Thέ Tôn rồi ngồi xuống một bên và bạch rằng:

“Idha, bhante, rājā māgadho ajātasattu vedehiputto caturañginim̄ senam̄ sannayhitvā rājānañ pasenadim̄ kosalam̄ abbhuuyāsi yena kāsi. Assosi kho, bhante, rājā pasenadi kosalo – ‘rājā kira māgadho ajātasattu vedehiputto caturañginim̄ senam̄ sannayhitvā mamañ abbhuuyāto yena kāsī’ti. Atha kho, bhante, rājā pasenadi kosalo caturañginim̄ senam̄ sannayhitvā rājānañ māgadham̄ ajātasattum̄ vedehiputtam̄ paccuyyāsi yena kāsi. Atha kho, bhante, rājā ca māgadho ajātasattu vedehiputto rājā ca pasenadi kosalo saṅgāmesum̄. Tasmiñ kho pana, bhante, saṅgāme rājā pasenadi kosalo rājānañ māgadham̄ ajātasattum̄ vedehiputtam̄ parājesi, jīvaggāhañca nam̄ aggahesi. Atha kho, bhante, rañño pasenadissa kosalassa etadahosi – ‘kiñcāpi kho myāyam rājā māgadho ajātasattu vedehiputto adubbhantassa dubbhati, atha ca pana me bhāgineyyo hoti. Yañnūnāhañ rañño māgadhassa ajātasattuno

vedehiputtassa sabbam̄ hatthikāyam̄ pariyādiyitvā sabbam̄ assakāyam̄ sabbam̄ rathakāyam̄ sabbam̄ pattikāyam̄ pariyādiyitvā jīvantameva nam̄ osajjeyya’ti.
“Atha kho, bhante, rājā pasenadi kosalo rañño māgadhassa ajātasattuno vedehiputtassa sabbam̄ hatthikāyam̄ pariyādiyitvā sabbam̄ assakāyam̄ pariyādiyitvā sabbam̄ rathakāyam̄ pariyādiyitvā sabbam̄ pattikāyam̄ pariyādiyitvā jīvantameva nam̄ osajjī”ti.

-Bạch Đức Thé Tôn, Vua Ajātasattu, con bà Videhi xứ Magadha, huy động bốn binh chủng tiến đánh Kāsi gây chiến với vua Pasenadi xứ Kosala. Vua Pasenadi xứ Kosala được báo cáo: "Vua Ajātasattu, con bà Videhi xứ Magadha, huy động bốn binh chủng tiến đánh Kāsi". Vua Pasenadi liền điều động bốn binh chủng dàn trận ở Kāsi, chống lại vua Ajātasattu. Rồi vua Ajātasattu con bà Videhi xứ Magadha giao chiến với vua Pasenadi xứ Kosala. Trong trận đánh vua Pasenadi thắng và bắt sống vua Ajātasattu. Lúc ấy vua Pasenadi nước Kosala suy nghĩ : "Tuy Ajātasattu có ý hại ta trong lúc ta không có ý gây thương tổn. Dù sao vua ấy là cháu của ta nên không giết hại chỉ tịch thu toàn bộ tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh. Rồi vua Pasenadi chỉ tịch thu toàn bộ tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh và tha mạng cho vua Ajātasattu.

Atha kho bhagavā etamattham̄ viditvā tāyam̄ velāyam̄ imā gāthāyo abhāsi –
Rồi Thé Tôn từ ý nghĩ về sự việc này ngay trong lúc ấy nói lên kệ ngôn:

“**Vilumpateva puriso, yāvassa upakappati;**
Yadā caññe vilumpanti, so vilutto viluppati
“**Thānañhi maññati bālo, yāva pāpam̄ na paccati;**
Yadā ca paccati pāpam̄, atha dukkham̄ nigacchatī.
“**Hantā labhati hantāram̄, jetāram̄ labhate jayam̄;**
Akkosako ca akkosam̄, rosetārañca rosako;
Atha kammavivatṭena, so vilutto viluppatī”ti.

Người làm chuyện chiếm đoạt,
Mong đạt được mục đích,
Khi bị chiếm đoạt lại,
Ké cướp lại chiếm đoạt.

Ké ngu thấy được lợi,
Khi ác nghiệp chưa trổ,
Khi ác nghiệp trổ quả,
Ké ngu chịu thõng khổ.

Giết người, bị người giết,
Thắng người, bị đánh bại,
Gây tổn hại, bị hại,
Mắng người, bị mắng lại,
Khi nghiệp báo hiển bày,
Kẻ cướp bị chiếm đoạt.



Thích văn

“**Jayaṁ veram pasavati** = Chiến thắng sanh hận thù
dukkham seti parājito = Chiến bại ngũ bát an
Upasanto sukham seti = Người hiền ngủ thanh thản
hitvā jayaparājaya”nti = Từ bỏ chuyện hơn thua

“**Vilumpateva puriso** = Người làm chuyện chiếm đoạt
yāvassa upakappati = Cho tới khi đạt được mục đích
Yadā caññe vilumpanti = Nhưng khi bị người khác đánh chiếm
so vilutto viluppati = Kẻ chiếm đoạt bị chiếm đoạt

“**Thānañhi maññati bālo** = Kẻ ngu ngơ rằng mình chiếm hữu được
yāva pāpam na paccati = Khi hành động ác chưa trỗi quả
Yadā ca paccati pāpam = Khi ác hạnh trỗi quả
atha dukkham nigacchati = Rơi vào sự khổ đau

“**Hantā labhati hantāram** = Giết hại tạo ra đối thủ giết hại
jetāram labhate jayaṁ = Chiến thắng tạo ra đối thủ chinh phục
Akkosako ca akkosam = Gây tổn hại tạo ra đối thủ gây hại
rosetārañca rosako = Mắng nhiếc tạo ra đối thủ nguyên rủa
Atha kammavivatṭena = Khi nghiệp báo hiển bày
so vilutto viluppatī’ti = Kẻ cướp đoạt bị chiếm đoạt



Vua Ajātasattu (A Xà Thé) là con vua Bimbisāra (Tần bà sa la) và hoàng hậu Videhi (Vi đê hi) gọi vua Pasenadi (Ba tư nặc) bằng cậu.

Thị trấn Kāsi là một nơi trù phú vốn được vua Mahākosala (cha của vua Pasenadi) tặng cho vua Bimbisāra làm của hồi môn khi gả công chúa Videhi. Sau này vua Pasenadi lấy lại vì Vua Ajātasattu giết phụ hoàng của mình.

Theo Sớ giải thì khi Đức Phật dạy: “vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha có bạn ác, thận cận bạn ác, có đồng sự là người ác. Và này các Tỷ-kheo, vua Pasenadi nước Kosala có bạn lành, thân cận bạn lành, có đồng sự là người hiền thiện” vì vua Ajātasattu kêt thân với người xấu như Devadatta trong lúc vua Pasenadi thường lui tới các bậc thiện trí như Tôn giả Sāriputta.

Chữ ajjatañ được hiểu ajj'eva là cách nói đặc biệt với ý nghĩ “riêng hôm nay” hàm ý là sự việc sẽ sớm có biến chuyển.

Biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đẳng
-ooOoo-

4. Paṭhamasaṅgāmasuttam [Mūla]

125. Sāvatthinidānam. Atha kho rājā māgadho ajātasattu vedehiputto caturaṅginim senam sannayhitvā rājānam pasenadim kosalam abbhuyyāsi yena kāsi. Assosi kho rājā pasenadi kosalo – “rājā kira māgadho ajātasattu vedehiputto caturaṅginim senam sannayhitvā mamañ abbhuyyāto yena kāśī”ti. Atha kho rājā pasenadi kosalo caturaṅginim senam sannayhitvā rājānam māgadham ajātasattum vedehiputtam paccuyyāsi yena kāsi. Atha kho rājā ca māgadho ajātasattu vedehiputto rājā ca pasenadi kosalo saṅgāmesum. Tasmim kho pana saṅgāme rājā māgadho ajātasattu vedehiputto rājānam pasenadim kosalam parājesi. Parājito ca rājā pasenadi kosalo sakameva [saṅgāmā (ka.)] rājadhānim sāvatthim paccuyyāsi [pāyāsi (sī. pī.)].

Atha kho sambahulā bhikkhū pubbañhasamayam nivāsetvā pattacīvaramādāya sāvatthim piṇḍāya pavisim̄su. Sāvatthiyam piṇḍāya caritvā pacchābhattam piṇḍapātapaṭikkantā yena bhagavā tenupasaṅkamim̄su; upasaṅkamitvā

bhagavantam abhivādetvā ekamantam nisīdimṣu. Ekamantam nisinnā kho te bhikkhū bhagavantam etadavocum –

“Idha, bhante, rājā māgadho ajātasattu vedehiputto caturaṅginim senam sannayhitvā rājānam pasenadim kosalam abbhuyyāsi yena kāsi. Assosi kho, bhante, rājā pasenadi kosalo – ‘rājā kira māgadho ajātasattu vedehiputto caturaṅginim senam sannayhitvā mamaṁ abbhuyyāto yena kāsī’ti. Atha kho, bhante, rājā pasenadi kosalo caturaṅginim senam sannayhitvā rājānam māgadham ajātasattum vedehiputtam paccuyyāsi yena kāsi. Atha kho, bhante, rājā ca māgadho ajātasattu vedehiputto rājā ca pasenadi kosalo saṅgāmesum. Tasmim kho pana, bhante, saṅgāme rājā māgadho ajātasattu vedehiputto rājānam pasenadim kosalam parājesi. Parājito ca, bhante, rājā pasenadi kosalo sakameva rājadhānim sāvatthim paccuyyāsī’ti.

“Rājā, bhikkhave, māgadho ajātasattu vedehiputto pāpamitto pāpasahāyo pāpasampavañko; rājā ca kho, bhikkhave, pasenadi kosalo kalyāṇamitto kalyāṇasahāyo kalyāṇasampavañko. Ajjeva [ajjatañca (sī. pī.), ajjevam (syā. kam.)], bhikkhave, rājā pasenadi kosalo imam rattim dukkham seti parājito’ti. Idamavoca...pe...

“Jayam veram pasavati, dukkham seti parājito;
Upasanto sukham seti, hitvā jayaparājaya”nti.

5. Dutiyasaṅgāmasuttam [Mūla]

126. [ettha “atha kho rājā pasenadi kosalo caturaṅginim senam sannayhitvā rājānam māgadham ajātasattum vedehiputtaṁ abbhuyyāsī”ti ādinā pāṭhena bhavitabbam. atṭhakathāyam hi “abbhuuyyāsīti parājaye garahappat...pe... vuttajayakāraṇam sutvā abhiuyyāsī”ti vuttam] Atha kho rājā māgadho ajātasattu vedehiputto caturaṅginim senam sannayhitvā rājānam pasenadim kosalam abbhuyyāsi yena kāsi. Assosi kho rājā pasenadi kosalo – ‘rājā kira māgadho ajātasattu vedehiputto caturaṅginim senam sannayhitvā mamaṁ abbhuyyāto yena kāsī’ti. Atha kho rājā pasenadi kosalo caturaṅginim senam sannayhitvā rājānam māgadham ajātasattum vedehiputtam paccuyyāsi yena kāsi. Atha kho rājā ca māgadho ajātasattu vedehiputto rājā ca pasenadi kosalo saṅgāmesum. Tasmim kho pana saṅgāme rājā pasenadi kosalo rājānam māgadham ajātasattum vedehiputtam parājesi, jīvaggāhañca nam aggahesi. Atha kho rañño pasenadissa kosalassa etadahosi – “kiñcāpi kho myāyam rājā māgadho ajātasattu vedehiputto adubbhantassa dubbhati, atha ca pana me bhāgineyyo hoti. Yamnūnāham rañño māgadhassa ajātasattuno vedehiputtassa sabbam hatthikāyam pariyādiyitvā sabbam assakāyam pariyādiyitvā

sabbam̄ rathakāyam̄ pariyādiyitvā sabbam̄ pattikāyam̄ pariyādiyitvā jīvantameva nam̄ osajjeyya”nti [ossajjeyyanti (sī. syā. kam̄. pī.)].

Atha kho rājā pasenadi kosalo rañño māgadhassa ajātasattuno vedehiputtassa sabbam̄ hatthikāyam̄ pariyādiyitvā sabbam̄ assakāyam̄ pariyādiyitvā sabbam̄ rathakāyam̄ pariyādiyitvā sabbam̄ pattikāyam̄ pariyādiyitvā jīvantameva nam̄ osajji [ossaji (sī.), ossaji (syā. kam̄. pī.)].

Atha kho sambahulā bhikkhū pubbañhasamayam̄ nivāsetvā pattacīvaramādāya sāvatthim̄ piñdāya pavisim̄su. Sāvatthiyam̄ piñdāya caritvā pacchābhattam̄ piñdapātapaṭikkantā yena bhagavā tenupasaṅkamim̄su; upasaṅkamitvā bhagavantam̄ abhivādetvā ekamantam̄ nisidim̄su. Ekamantam̄ nisinnā kho te bhikkhū bhagavantam̄ etadavocum –

“Idha, bhante, rājā māgadho ajātasattu vedehiputto caturaṅginim̄ senam̄ sannayhitvā rājānam̄ pasenadim̄ kosalam̄ abbhuyyāsi yena kāsi. Assosi kho, bhante, rājā pasenadi kosalo – ‘rājā kira māgadho ajātasattu vedehiputto caturaṅginim̄ senam̄ sannayhitvā mamañ abbhuyyāto yena kāsī’ti. Atha kho, bhante, rājā pasenadi kosalo caturaṅginim̄ senam̄ sannayhitvā rājānam̄ māgadham̄ ajātasattum̄ vedehiputtam̄ paccuyyāsi yena kāsi. Atha kho, bhante, rājā ca māgadho ajātasattu vedehiputto rājā ca pasenadi kosalo saṅgāmesum̄. Tasmim̄ kho pana, bhante, saṅgāme rājā pasenadi kosalo rājānam̄ māgadham̄ ajātasattum̄ vedehiputtam̄ parājesi, jīvaggāhañca nam̄ aggahesi. Atha kho, bhante, rañño pasenadissa kosalassa etadahosi – ‘kiñcāpi kho myāyam̄ rājā māgadho ajātasattu vedehiputto adubbhantassa dubbhati, atha ca pana me bhāgineyyo hoti. Yañnūnāham̄ rañño māgadhassa ajātasattuno vedehiputtassa sabbam̄ hatthikāyam̄ pariyādiyitvā sabbam̄ assakāyam̄ sabbam̄ rathakāyam̄ sabbam̄ pattikāyam̄ pariyādiyitvā jīvantameva nam̄ osajjeyya’”nti.

“Atha kho, bhante, rājā pasenadi kosalo rañño māgadhassa ajātasattuno vedehiputtassa sabbam̄ hatthikāyam̄ pariyādiyitvā sabbam̄ assakāyam̄ pariyādiyitvā sabbam̄ rathakāyam̄ pariyādiyitvā sabbam̄ pattikāyam̄ pariyādiyitvā jīvantameva nam̄ osajjī’ti. Atha kho bhagavā etamattham̄ viditvā tāyam̄ velāyam̄ imā gāthāyo abhāsi –

“Vilumpateva puriso, yāvassa upakappati;
Yadā caññe vilumpanti, so vilutto viluppati [viluppati (sī. pī. ka.)].

“Thānañhi maññati bālo, yāva pāpam̄ na paccati;
Yadā ca paccati pāpam̄, atha dukkham̄ nigacchati.

“Hantā labhati [labhati hantā (sī. syā. kam.)] hantāram, jetāram labhate jayam; Akkosako ca akkosam, rosetārañca rosako; Atha kammavivat̄ena, so vilutto viluppati”ti.

4. Pañhamasaṅgāmasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

125. Catutthe **vedehiputtoti** **vedehīti** pañditādhivacanametam, pañditithiyā puttoti attho. Caturaṅgininti hathiassarathapattisaṅkhātehi catūhi aṅgehi samannāgataṁ. **Sannayhitvāti** cammapaṭimuñcanādīhi sannāhaṁ kāretvā. **Saṅgāmesunti** yujjhīmsu. Kena kāraṇena? Mahākosalaraññā kira bimbisārassa dhītaram dentena dvinnam rajjānam antare satasahassutthāno kāsigāmo nāma dhītu dinno. Ajātasattunā ca pitari mārite mātāpissa rañño viyogasokena nacirasseva matā. Tato rājā pasenadi kosalo – “ajātasattunā mātāpitaro māritā, mayham pitu santako gāmo”ti tassatthāya addam karoti. Ajātasattupi “mayham mātu santako”ti tassa gāmassatthāya dvepi mātulabhāgineyyā yujjhīmsu.

Pāpā devadattādayo mittā assāti **pāpamitto**. Teyevassa sahāyāti **pāpasahāyo**. Tesvevassa cittam ninnam sampavañkanti **pāpasampavañko**. Pasenadissa sāriputtatherādīnam vasena kalyāṇamittāditā veditabbā. **Dukkham** setīti jitāni hathiādīni anusocanto dukkham sayissati. Idam bhagavā puna tassa jayakāraṇam disvā āha. **Jayam veram pasavatīti** jinanto veram pasavati, veripuggalam labhati. Catuttham.

5. Dutiyasaṅgāmasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

126. Pañcame **abbhuuyyāsīti** parājaye garahappatto “ārāmam gantvā bhikkhūnam kathāsallāpam sunāthā”ti rattibhāge buddharakkhitena nāma vuḍḍhapabbajitena dhammarakkhitassa vuḍḍhapabbajitassa “sace rājā imañca upāyam katvā gaccheyya, puna jineyyā”ti vuttajayakāraṇam sutvā abhiuyyāsi.

Yāvassa upakappatīti yāva tassa upakappati sayham hoti. Yadā caññeti yadā aññe. **Vilumpantīti** tam vilumpitvā ṭhitapuggalam vilumpanti. **Vilumpatīti** vilumpiyati. **Ṭhānam hi maññatīti** “kāraṇa”nti hi maññati. **Yadāti** yasmiñ kāle. **Jetāram labhate** jayanti jayanto puggalo pacchā jetārampi labhati. **Rosetārantīti** ghaṭṭetāram. **Rosakoti** ghaṭṭako. **Kammavivat̄enāti** kammapariññāmena, tassa vilumpanakammassa vipākadānena. **So vilutto viluppatīti** so vilumpako vilumpiyati. Pañcamam.